

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3505 / QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 08 tháng 11 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Mở rộng bãi rác Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 24/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Mở rộng bãi rác Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2114/TTr-SXD ngày 25/10/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Mở rộng bãi rác Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang với các nội dung chủ yếu sau:

**Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Mở rộng bãi rác Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.**

**1. Phạm vi ranh giới và diện tích khu đất quy hoạch**

Bãi rác Tân Lập 1 được quy hoạch trên khuôn viên khu đất có phạm vi ranh giới được xác định như sau:

a) Diện tích bãi rác hiện hữu: 14,88 ha. Ranh giới được xác định như sau:

- Phía Đông giáp: Đất dân.

- Phía Tây giáp: Đất nông trường.

- Phía Nam giáp: Đất dân.
- Phía Bắc giáp: Đường nhựa hiện hữu.

b) Diện tích khu đất dự trữ phát triển được thu hồi: 10,87 ha. Ranh giới được xác định như sau:

- Phía Đông giáp: Đất dân.
- Phía Tây giáp: Đường hiện hữu.
- Phía Nam giáp: Kênh công cộng.
- Phía Bắc giáp: Đất dân.

## **2. Chức năng khu vực lập quy hoạch:**

Đáp ứng nhu cầu xử lý rác thải sinh hoạt cho thành phố Mỹ Tho, các huyện Châu Thành, Tân Phước, Cai Lậy, Cái Bè, thị xã Cai Lậy và một phần huyện Chợ Gạo.

## **3. Các vấn đề cần giải quyết trong đồ án**

- Tiến hành gom gọn rác hiện hữu tạo quỹ đất khoảng 02 ha để bố trí hệ thống lò đốt rác.
- Thu hồi đất về phía Đông 10,87 ha tạo quỹ đất dự trữ phát triển.
- Sử dụng hạ tầng kỹ thuật hiện hữu.

## **4. Các chỉ tiêu kỹ thuật cơ bản áp dụng**

Căn cứ vào các quy định của quy hoạch chi tiết, đặc điểm khu vực nghiên cứu và các tiêu chuẩn, Quy chuẩn, Quy phạm hiện hành để xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu gồm:

### **a) Phương án chôn lấp rác hợp vệ sinh**

- Quy mô bãi chôn lấp chất thải rắn thông thường được xác định theo quy hoạch xử lý chất thải rắn.

- Quy mô bãi chôn lấp chất thải dưới 10 ha loại bãi chôn lấp nhỏ; từ 10 đến 30 ha thuộc loại bãi chôn lấp vừa. Khoảng cách an toàn môi trường cho phép đối với thị trấn, khu dân cư  $\geq 3000\text{m}$ , cách đường giao thông (Quốc lộ, Tỉnh lộ)  $\geq 100\text{m}$ .

- Bãi chôn lấp chất thải rắn bao gồm:

+ Khu chôn lấp gồm: Ô chôn lấp, hệ thống thu gom nước rác, hệ thống thu gom và xử lý khí rác, hệ thống thoát và ngăn nước mặt, hệ thống quan trắc nước ngầm, đường nội bộ, hàng rào và cây xanh, bãi và kho chứa chất phủ bề mặt, bãi phân loại chất thải.

+ Khu xử lý nước rác: Trạm bơm nước rác, ô chứa bùn.

+ Khu phụ trợ: Nhà điều hành, nhà nghỉ cho nhân viên, trạm phân tích, trạm cân, nhà để xe, trạm rửa xe, kho dụng cụ chứa phế liệu, hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

- Khoảng cách an toàn môi trường đối với bãi chôn lấp chất thải rắn:

+ Trạm trung chuyển chất thải rắn là nơi tập trung chất thải rắn không quá 2 ngày đêm. Khoảng cách an toàn môi trường của trạm trung chuyển chất thải rắn  $\geq 20\text{m}$ .

+ Bãi chôn lấp chất thải rắn hỗn hợp phải có khoảng cách an toàn về môi trường nhỏ nhất giữa hàng rào bãi chôn lấp chất thải rắn đến chân công trình xây dựng khác  $\geq 1.000\text{ m}$ .

- Chiều rộng dải cây xanh cách ly ngoài hàng rào  $\geq 20\text{m}$  tính từ hàng rào cơ sở xử lý chất thải rắn.

- Chỉ tiêu đất đạt được trong quy hoạch:

+ Khu chôn lấp chất thải rắn:	46%
+ Khu xử lý nước rác:	22%
+ Khu điều hành:	5%
+ Đất giao thông:	12%
+ Đất cây xanh, mặt nước:	15%.

b) Phương án bố trí quy hoạch 02 ha đầu tư lò đốt rác, thu hồi đất về phía Đông 10,87 ha tạo quỹ đất dự trữ phát triển.

**5. Yêu cầu về công tác điều tra khảo sát hiện trạng và thu thập số liệu; tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan, kết nối hạ tầng kỹ thuật, đánh giá môi trường chiến lược**

**a) Yêu cầu công tác điều tra khảo sát hiện trạng và thu thập số liệu**

Dựa vào các số liệu thu thập trên hiện trạng bản đồ khảo sát khu vực và các tài liệu liên quan, đánh giá xác định các yếu tố hiện trạng của khu vực nghiên cứu, bao gồm:

- Đánh giá hiện trạng địa hình;
- Đánh giá các yếu tố khí hậu, địa chất thủy văn, địa chất công trình;
- Đánh giá hiện trạng sử dụng đất, dân cư trong khu vực;
- Hiện trạng xây dựng và hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường;
- Đánh giá hiện trạng các công trình kiến trúc, đề xuất các biện pháp di dời, bảo tồn, tôn tạo...

**b) Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan, kết nối hạ tầng kỹ thuật**

- Phân tích khả năng đáp ứng và môi trường của khu chứa rác hiện hữu phát triển mở rộng đất xây dựng bãi chôn lấp, ao sinh học, cây xanh cách ly và hệ thống đê bao chống ô nhiễm môi trường khu vực;

- Phân tích tổng thể toàn bộ khu vực nghiên cứu thiết kế với các khu vực chức năng kề cận, nhằm đề xuất các định hướng phát triển kiến trúc cảnh quan hợp lý;

- Đề xuất các định hướng phát triển kiến trúc cảnh quan sinh thái cho khu vực nhằm hình thành một không gian môi trường tốt và phát triển bền vững;

- Nghiên cứu đề xuất các tuyến giao thông khu vực và đường nội bộ nhằm tạo nên một mô hình phát triển hài hòa thuận tiện.

### **c) Đánh giá môi trường chiến lược**

Đánh giá tác động môi trường khu vực trước, trong khi xây dựng và sau khi hoàn thành xây dựng. Đề xuất các biện pháp bảo vệ, giảm thiểu các ảnh hưởng xấu đến môi trường.

## **6. Đề xuất sơ bộ về cấu trúc, nguyên tắc tổ chức không gian khu vực lập quy hoạch trên cơ sở danh mục các hạng mục công trình cần đầu tư xây dựng**

- Phát triển thêm ô chôn lấp mới đảm bảo về yêu cầu kỹ thuật chôn lấp hợp vệ sinh, phù hợp với các ô chôn lấp hiện hữu.

- Bố trí các ao sinh học, mương thu nước, và hệ thống đê bao hợp lý. Hồ sinh học có tác dụng thu, chứa nước rỉ rác được xử lý chống thấm đúng kỹ thuật.

- Để giảm thiểu ô nhiễm môi trường xung quanh thông qua hai lớp đê bao kết hợp trồng cây xanh cách ly, đồng thời bố trí hệ thống mương thu nước chạy xung quanh.

- Hệ thống giao thông hạ tầng kỹ thuật giữa khu hiện hữu và mở rộng kết nối liên tục và khép kín.

- Bố trí tổng mặt bằng sử dụng đất phù hợp với quỹ đất 10,87 ha.

## **7. Danh mục bản vẽ, thuyết minh**

### **a) Hồ sơ khảo sát đo đạc hiện trạng:**

- Bản đồ khảo sát đo đạc hiện trạng khu đất, tỉ lệ 1/500;

- Thuyết minh nhiệm vụ khảo sát và các văn bản kèm theo.

### **b) Hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500:**

Thành phần hồ sơ quy hoạch (theo Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng) như sau:

STT	TÊN BẢN VẼ - HỒ SƠ	TỶ LỆ	Số lượng	
			màu	photo
<b>I</b>	<b>Phần bản vẽ</b>			
01	Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất	1/2.000	03 bộ	07 bộ
02	Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng.	1/500	03 bộ	07 bộ
03	Bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật.	1/500	03 bộ	07 bộ
04	Bản đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan	1/500	03 bộ	07 bộ
05	Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất	1/500	03 bộ	07 bộ
06	Bản đồ xác định các khu vực xây dựng công trình ngầm (nếu có)		03 bộ	07 bộ
07	Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang.	1/500	03 bộ	07 bộ
08	Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật.	1/500	03 bộ	07 bộ
09	Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược.	1/500	03 bộ	07 bộ
<b>II</b>	<b>Phần văn bản</b>			
01	Thuyết minh tổng hợp.	A4	03 bộ	07 bộ
02	Dự thảo tờ trình phê duyệt	A4		
03	Bản vẽ thu nhỏ A3 (trong thuyết minh tổng hợp)	A3	03 bộ	07 bộ
<b>III</b>	<b>Đĩa CD Rom (chứa tất cả các dữ liệu trên)</b>		01 đĩa	

**Điều 2.** Các nội dung đã được duyệt tại Quyết định 1327/QĐ-UBND ngày 24/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh trái với quyết định này không còn hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang; Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tân Phước và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- PCT Phạm Anh Tuấn;
- VPUB: PVP N. H. Đức;
- Lưu: VT, ĐTXD (Khương).

4

KT. CHỦ TỊCH *ĐMC*  
PHÓ CHỦ TỊCH



*Lê Văn Nghĩa*